

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

8. ĐỊA LÝ HỌC

Geography

1. Mã học phần: HMO1184

2. Số tín chỉ: 3 (Phân bổ giờ học tập: Lý thuyết/Thực hành/Tự học: 30/30/90)

3. Học phần tiên quyết:

4. Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt

5. Giảng viên:

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Đơn vị công tác	Email
1.	Trịnh Minh Ngọc	TS	Khoa KTTVHDH	trinhminhngoc@hus.edu.vn
2.	Ngô Chí Tuấn	TS	Khoa KTTVHDH	ngochituan@gmail.com
3.	Đặng Đình Khá	TS	Khoa KTTVHDH	dangdinhkha@hus.edu.vn

6. Mục tiêu của học phần:

6.1. Mục tiêu chung:

Trang bị cho sinh viên kiến thức về Trái đất, các Quyển của Trái đất và ý nghĩa vai trò thực tiễn của chúng trong cuộc sống và nghiên cứu tài nguyên và môi trường nước.

6.2. Mục tiêu cụ thể:

a) Kiến thức:

Trang bị cho sinh viên những kiến thức về Hệ thống khoa học địa lý,; quá trình hình thành và phát triển của khoa học địa lý. Giải thích những đặc điểm cơ bản của Trái đất như vị trí, hình dạng, kích thước, những chuyển động của Trái đất và hệ quả địa lý của các chuyển động đó, cấu tạo bên trong và cấu tạo bề mặt. Trình bày được đặc điểm, vai trò, chức năng của các lớp vỏ thành phần của Trái đất như khí quyển, thủy quyển, thạch quyển, lớp vỏ thổ nhưỡng và sinh quyển; đồng thời còn hiểu biết các hiện tượng tự nhiên cơ bản và sự phân bố của chúng trong các lớp vỏ thành phần đó. Trình bày được các qui luật địa lý chung của Trái đất và những ý nghĩa thực tiễn của chúng trong cuộc sống, trong hoạt động sản xuất của xã hội.

b) Kỹ năng:

Thông qua các hoạt động như nghe giảng, thảo luận trên lớp, làm bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thuyết trình, sinh viên được khuyến khích và yêu cầu phát triển các kỹ năng và thái độ xã hội (làm việc trong các nhóm khác nhau); biết cách khai thác áp dụng những vấn đề/ thông tin/ tư liệu liên quan đến nghiên cứu các vấn đề tài nguyên của của một lãnh thổ cụ thể.

c) Mức tự chủ và trách nhiệm:

Chủ động, độc lập trong quá trình học tập

7. Tóm tắt nội dung học phần (mỗi học phần tóm tắt khoảng 120 từ)

Địa lý học là học phần đầu tiên trong khối kiến thức cơ sở của ngành. Học phần Địa lý học giới thiệu cho sinh viên những khái niệm cơ bản về hệ thống khoa học địa lý, địa lý tự nhiên và địa lý nhân văn; khái niệm về Lớp vỏ địa lý của Trái đất. Sau đó giới thiệu quá trình hình thành và phát triển của khoa học địa lý, các phát kiến địa lý vĩ đại.

Ngoài ra, học phần cũng đề cập đến các nội dung nghiên cứu của địa lý nhân văn; môi trường-tài nguyên thiên nhiên và nền sản xuất xã hội. Học phần cung cấp cho sinh viên những góc độ thường được quan tâm nghiên cứu trong khoa học địa lý và có ý nghĩa quan trọng trong đời sống cộng đồng dân cư như: dân số, tín ngưỡng, cơ cấu nền kinh tế, địa lý nông nghiệp, địa lý công nghiệp, địa lý du lịch...

8. Chuẩn đầu ra của học phần: (Chuẩn đầu ra của học phần góp phần đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo)

8.1. Kiến thức (*Course Knowledge – CK*)

- CK1: Nhận biết các đặc điểm cơ bản của Trái đất như vị trí, hình dạng, kích thước, những chuyển động của Trái đất và hệ quả địa lý của các chuyển động đó, cấu tạo bên trong và cấu tạo bề mặt. (Mức 3- PK6)
- CK2: Áp dụng kiến thức đặc điểm, vai trò, chức năng và tác động của các lớp vỏ thành phần của Trái đất như khí quyển, thủy quyển, thạch quyển, lớp vỏ thổ nhưỡng và sinh quyển đối với các sự vật, hiện tượng kinh tế - xã hội trên trái đất. (Mức 3 – PK7)
- CK3: Chứng minh các điều kiện tự nhiên và kinh tế xã hội của một lãnh thổ và ảnh hưởng của chúng đến một vấn đề khí tượng – thủy văn – hải dương học cụ thể (Mức 3 – PK8)

8.2. Kỹ năng (*Course Skill – CS*)

- CS1: Hoàn thiện lý luận và tư duy theo hệ thống (Mức 3 – PS2)
- CS2: Thuyết minh được ảnh hưởng của các điều kiện tự nhiên và kinh tế xã hội đến một vấn đề cụ thể trong khí tượng thủy văn và hải dương học (Mức 3 – PS1)

8.3. Mức tự chủ và trách nhiệm (*Course Responsibility – CR*)

- CR1: Bảo vệ quan điểm cá nhân trong phản biện vấn đề liên quan đến khí tượng thủy văn và hải dương học (mức 4: PR1)
- CR2: Trung thực, chịu trách nhiệm với các kết quả tính toán của bản thân
- CR3: Chia sẻ các phát hiện mới, các tiếp cận mới để giải quyết vấn đề
- CR4: Có ý thức đóng góp cho xã hội, cống hiến vào xây dựng và bảo vệ tổ quốc qua các sản phẩm khoa học.

9. Ma trận liên kết chuẩn đầu ra của học phần với chuẩn đầu ra của CTĐT

(Mức độ đóng góp đánh giá theo thang Bloom của học phần vào các chuẩn đầu ra của CTĐT theo Kiến thức (*Program Knowledge-PK*), Kỹ năng (*Program Skill-PS*), Mức tự chủ và trách nhiệm (*Program Responsibility-PR*))

CĐR CTĐT	PK6	PK7	PK8	PS1	PS2	PR1	PR2	PR3
Mức đóng góp của học phần	3	3	3	3	3	4	4	3

10. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập (cần đo lường mức độ người học đạt chuẩn đầu ra)

STT	Tiêu chí đánh giá	Trọng số	Mô tả	Chuẩn đầu ra cần đo được
1	Thường xuyên	20 %	- Hình thức đánh giá - Thang điểm đánh giá.	- Điểm danh: 10% - Thuyết trình về nội dung được học: 10% (CK1, CK2, CS2, CR1)
2	Giữa kỳ	20 %	- Hình thức đánh giá - Thang điểm đánh giá.	- Bài kiểm tra giữa kì nội dung học: 20% (CK2, CK3, CS1, CR1)
3	Cuối kỳ	Tối thiểu 60 %	- Hình thức đánh giá - Thang điểm đánh giá.	- Bài thi cuối kì các nội dung học phần: (CK1, CK2, CK3, CS1, CS2, CR1)
	Tổng	100%		

11. Học liệu

11.1 Học liệu bắt buộc (tác giả, tên giáo trình, nhà xuất bản, năm xuất bản):

- Nguyễn Vi Dân (chủ biên) (2005), *Cơ sở địa lý tự nhiên*, Nxb ĐHQGHN.
- X.V. Kalexnik (1973), những qui luật địa lý chung của Trái Đất, Nxb kỹ thuật.

12. Nội dung chi tiết học phần và liên kết nội dung với chuẩn đầu ra

(lưu ý: Nội dung chi tiết thể hiện chuẩn đầu ra của học phần, có thể chi tiết thông tin về phân bổ giờ học tập, lịch trình giảng dạy)

Chương/ mục	Tiêu đề/Nội dung	Chuẩn đầu ra của học phần
Chương 1. Những khái niệm địa lý cơ bản và sự phát triển của khoa học địa lý (2 tiết)		
1	1.1. Địa lý học và sự phân chia ngành địa lý 1.2. Các phương pháp nghiên cứu 1.3. Các giai đoạn phát triển của địa lý học trên thế giới 1.4. Các giai đoạn phát triển của địa lý ở Việt Nam	CK1;
Chương 2. Các đặc điểm chung của Trái Đất (5 tiết)		
2	3.1. Vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời 3.2. Hình dạng, kích thước của Trái Đất và ý nghĩa địa lý của chúng 3.3. Chuyển động của Trái Đất quanh trục và những hệ quả về mặt địa lý 3.4. Chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời và những hệ quả về mặt địa lý 3.5. Đặc điểm cấu tạo bên trong của Trái Đất 3.6. Đặc điểm cấu tạo bề mặt của Trái Đất 3.1. Vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời 3.2. Hình dạng, kích thước của Trái Đất và ý nghĩa địa lý của chúng	CK1
Chương 3. Các lớp vỏ thành phần của Trái Đất (8 tiết)		
3	3.1. Khí quyển 3.2. Thủy quyển 3.3. Thạch quyển và địa hình bề mặt 3.4. Thổ nhưỡng quyển 3.5. Sinh quyển 3.6. Lớp vỏ cảnh quan	CK1; CK2; CR1
Chương 4. Các qui luật địa lý chung của Trái Đất (5 tiết)		
4	4.1. Qui luật về tính hoàn chỉnh của lớp vỏ địa lý 4.2. Qui luật tuần hoàn của vật chất và năng lượng trong lớp vỏ địa lý 4.3. Qui luật về tính nhịp điệu của các hiện tượng trong lớp vỏ địa lý 4.4. Qui luật địa đới 4.5. Qui luật phi địa đới	CK1; CK2; CR1; CS1
Chương 5. Con người và môi trường địa lý (5 tiết)		
5	5.1. Các khái niệm cơ bản 5.2. Mối quan hệ giữa con người và môi trường địa lý	CK2; CK3; CR2; CS1
Chương 6. Địa lý kinh tế xã hội (20 tiết)		
		CK2; CK3; CR2; CS1

6	6.1. Địa lý dân cư 6.1.1. Địa lý dân cư – quần cư – đô thị - nông thôn 6.1.2. Địa lý tôn giáo – tín ngưỡng 6.2. Địa lý nông lâm ngư nghiệp 6.2.1. Địa lý nông nghiệp 6.2.2. Địa lý lâm nghiệp 6.2.3. Địa lý ngư nghiệp 6.3. Địa lý công nghiệp 6.4. Địa lý du lịch – dịch vụ	
---	--	--

Trưởng Khoa

Trưởng Bộ môn

Giảng viên

Công Thanh

Nguyễn Tiền Giang

Trịnh Minh Ngọc